

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2020/HC-PT

Ngày: 27 - 8 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về
bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 120/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1666/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2255/2020/QĐPT-HC ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: 1/1D ấp G, phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 (xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 2343/UBND ngày 20/7/2020).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 (xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 2346/UBND ngày 20/7/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận 9 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1 Ông Hoàng Văn H – Phó Trưởng Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt);

2.2 Ông Nguyễn Thanh P – Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt);

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hoàng Văn H – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21/12/2016; 13/02/2017 và 03/3/2017, Bản tự khai ngày 10/5/2017, người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn T khai phá diện tích đất 1.456,9m² tại khu đất trước Xí nghiệp Cơ khí 78 (cạnh Quốc lộ 1 đi Biên Hòa), thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 61 (theo tài liệu đo năm 2003), phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1979. Năm 1984, sau khi xuất ngũ bộ đội phục viên về, ông vẫn tiếp tục sử dụng đất và xây dựng căn nhà số 2/4 tổ 1, ấp G, xã L, huyện Đ (nay là số 1/1D khu phố G, phường B, Quận 9), Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1985. Năm 1992, ông sửa chữa lại nhà. Năm 1999, ông nới rộng thêm diện tích nhà, sử dụng ổn định đến nay, không ai tranh chấp. Phần đất này của ông T bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Depot tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên (gọi tắt Dự án Bến Thành – Suối Tiên).

Ngày 01/8/2011, Ủy ban nhân dân (UBND) Quận 9 ban hành Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T tổng số tiền 460.050.000 đồng, trong đó hỗ trợ 100m² đất ở và 1.156,90m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm; 2 căn nhà diện tích 56m² và 30m²; ông T không đủ điều kiện

tái định cư (đính kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên (Depot mở rộng) ngày 01/8/2011).

Không đồng ý với Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT, ông Nguyễn T khiếu nại đến Chủ tịch UBND Quận 9 yêu cầu bồi thường 100m² đất ở mặt tiền đường Xa Lộ Hà Nội theo đơn giá 18.000.000 đồng/m² (không phải đất ở hẻm bê tông, cấp 1, vị trí 2, đường 13) và 1.156,9m² đất kinh doanh (không phải đất trồng cây lâu năm không mặt tiền đường 13) với đơn giá 10.000.000 đồng/m²; bồi thường 5,2m² cổng sắt theo đơn giá 1.000.000 đồng/m²; 73m² sân xi măng với đơn giá 200.000 đồng/m²; 96m² tường rào lưới B40, trụ bê tông theo đơn giá 500.000 đồng/m²; 192m² hàng rào vách tôn cao 5m theo đơn giá 200.000 đồng/m², 02 điện thoại chính với đơn giá 600.000 đồng/cái, 01 giếng khoan sâu 70m theo đơn giá 8.000.000 đồng/giếng.

Ngày 19/12/2011, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND-TT sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT, hỗ trợ bổ sung cho ông T số tiền 9.849.600 đồng (9.600.000 đồng tính vào phần đã hỗ trợ cho 100m² đất ở hẻm bê tông, cấp 1, vị trí 2, đường 13 và 249.600 đồng vào mục sân xi măng đã tính trong Bảng tính giá trị ngày 01/8/2011 đính kèm Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT); đồng thời, bác các yêu cầu khiếu nại còn lại của ông Nguyễn T.

Ông Nguyễn T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu được bồi thường diện tích đất bị thu hồi là 1.456,9m² (UBND Quận 9 chỉ bồi thường 1.256,9m²); bồi thường 500m² đất ở mặt tiền đường Xa Lộ Hà Nội theo đơn giá 20.000.000 đồng/m², phần diện tích còn lại yêu cầu bồi thường với đơn giá 18.000.000 đồng/m²; ngoài ra, ông giữ nguyên các yêu cầu khiếu nại về vật kiến trúc như đã yêu cầu tại UBND Quận 9.

Ngày 13/6/2013, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3085/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 185/QĐ-UBND-TT.

Năm 2013, ông Nguyễn T nộp đơn khởi kiện các quyết định trên nhưng không được giải quyết vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Ngày 28/7/2016, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Nguyễn T phần diện tích cổng sắt còn thiếu với số tiền 1.278.000 đồng. Ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định này.

Ngày 16/11/2016, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 97/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định số 851/QĐ-UBND.

Nay, ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT ngày 01/8/2011 của UBND Quận 9; Quyết định số 185/QĐ-UBND-TT ngày 19/12/2011 của Chủ tịch UBND Quận 9; Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND Quận 9 và Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND Quận 9; Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường 1.000m² đất ở; 256,9m² đất phi nông nghiệp; nhà ở theo giá thị trường thuộc đường Xa lộ Hà Nội và lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường được tính lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND Quận 9 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 97/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch UBND Quận 9.

Tại Văn bản số 1562/UBND-BBT ngày 08/6/2017, đại diện UBND và Chủ tịch UBND Quận 9 trình bày:

Diện tích nhà đất của ông Nguyễn T bị thu hồi là 1.256,9m² theo các Quyết định số 1374/QĐ-UBND, số 242/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 và số 1266/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 của UBND Quận 9 về điều chỉnh Quyết định số 1374/QĐ-UBND.

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản và hoa màu số 03/BBKK-BBT ngày 23/12/2009 (gọi tắt Biên bản số 03/BBKK-BBT) của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9, Trích nội dung kết luận tại buổi họp ngày 21/01/2010 và Công văn số 75/UBND ngày 15/4/2013 của UBND phường Long Bình, Quận 9 xác định: ông Nguyễn T chiếm dụng sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 (sau năm 1980), thời điểm tạo lập nhà sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 22/4/2002 vì căn nhà theo bản kê khai là nhà lá tạm, sau năm 1993 tự xây dựng lại căn nhà tại vị trí thu hồi (không thuộc vị trí nhà cũ) và có đăng ký nhà đất năm 1999.

Căn cứ Phương án số 07/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 (gọi tắt là Phương án số 07/PABT-HĐBT) của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 9 được UBND Quận 9 phê duyệt bởi Quyết định số 92/QĐ-TNMT ngày 13/5/2011; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công văn số 3803/UBND-ĐTMT ngày 01/8/2011 và Quyết định số 89/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, việc ban hành bồi thường, hỗ trợ và bổ sung cho ông Nguyễn T theo

các quyết định nêu trên là đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Tại Văn bản số 4378/UBND-NCPC ngày 14/7/2017, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Diện tích đất của ông Nguyễn T sử dụng có nguồn gốc của Liên Trường bộ binh Đ từ trước năm 1975. Thống nhất thời gian khai phá sử dụng, xây nhà ở và sửa chữa cho đến khi bị thu hồi đất để thực hiện Dự án Bến Thành – Suối Tiên; về các quyết định bồi thường, hỗ trợ và cả việc điều chỉnh diện tích thu hồi đất là 1.256,9m² đối với ông Nguyễn T: Theo sổ dã ngoại tài liệu năm 2003, ông Nguyễn T đăng ký. Theo Tài liệu 02/CT-UB, Nghĩa trang liệt sỹ thành phố đăng ký. Sau khi Thanh tra Thành phố tiếp xúc, nhận thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Quận 9 theo đơn của ông Nguyễn T là đúng pháp luật nên ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3085/QĐ-UBND bác các yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn T. Do đó, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 3085/QĐ-UBND và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1666/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T như sau:

Hủy Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT ngày 01/8/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9;

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND-TT ngày 13/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9;

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3085/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường 1.000m² đất ở; 256,9m² đất phi nông nghiệp; nhà ở theo giá thị trường thuộc đường Xa lộ Hà Nội và lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường được tính lại.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T đối với Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 97/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, người khởi kiện là ông Nguyễn T có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn T vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch UBND Quận 9 và UBND Quận 9, đều xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Hoàng Văn H, ông Nguyễn Thanh P, thống nhất phát biểu ý kiến không đồng ý yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch UBND Quận 9 và UBND Quận 9, đều có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những đương sự này.

[2] Ông Nguyễn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khai nhận diện tích đất 1.256,9m² tại khu đất trước Xí nghiệp Cơ khí 78 (cạnh Quốc lộ 1 đi Biên Hòa), thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 61 (theo tài liệu đo năm 2003), phường B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh do ông khai phá từ năm 1979. Năm 1984, sau khi xuất ngũ bộ đội phục viên về, ông vẫn tiếp tục sử dụng đất và xây dựng căn nhà số 2/4 tổ 1, ấp G, xã L, huyện Đ (nay là số 1/1D khu phố G, phường B, Quận 9), Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1985. Năm 1992, ông T sửa chữa lại nhà. Năm 1999, ông nói rộng thêm diện tích nhà, sử dụng ổn định đến nay, không ai tranh chấp. Phần đất

này có diện tích 1.256,9m² bị thu hồi để thực hiện Dự án Bến Thành – Suối Tiên. Tại thời điểm thu hồi không còn chòi lá dựng năm 1985 để giữ ruộng đất vì nước ngập, hiện chỉ có 01 căn nhà số 1/1D trên phần đất bị thu hồi phải đi qua đất của ông Võ T1 (mua lại của ông Huỳnh Văn T2) mới ra Xa lộ Hà Nội. Căn nhà này ông T tự xây dựng, không có giấy phép, có bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa tháo dỡ vì không có chỗ ở. Diện tích đất bị thu hồi là 1.256,9m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đóng tiền mặt bằng cho Nghĩa trang Liệt sỹ Thành phố nhưng không có biên lai.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, nguồn gốc đất do ông Nguyễn T tự khai hoang năm 1979 và sau đó sử dụng lại sau khi xuất ngũ năm 1984 thuộc một phần thửa đất số 236 do ông La Thành N mua của Hội Office de Gestion et de C nhon danh Louis D vào năm 1961 và một phần đất thuộc tỉnh Biên Hòa cũ, tờ bản đồ số 2, Bộ địa chính xã B (nay là thửa 413, 415 theo Tài liệu 299/TTg tương ứng thửa số 2, 3, 10, 14, đường (a) và (b) theo Tài liệu năm 2003). Sau năm 1975, UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xây dựng Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố (đăng ký đất theo Chỉ thị số 02/CT-UB ngày 18/02/1992) làm khu vực trồng cây xanh Khu D theo Quyết định số 29/QĐ-UB ngày 03/3/1984 nên các đương sự thống nhất phần diện tích đất bị thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Ông T cho rằng có nộp đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng mặt bằng cho Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố nhưng không có biên lai và không có tài liệu chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai này của ông T là có cơ sở.

[4] Ông Nguyễn T xác định chòi lá nằm phía sau phần đất trên để giữ ruộng đất đã không còn vì nước ngập (không nhớ rõ thời gian) nên tại thời điểm thu hồi chỉ thể hiện căn nhà số 1/1D và đất với tổng diện tích 1.256,9m² thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 61 theo Bản đồ hiện trạng vị trí của UBND phường Long Bình, Quận 9 lập năm 2009 (Tài liệu năm 2003). Đồng thời, ông T khẳng định diện tích căn nhà số 1/1D theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT và diện tích căn nhà bị buộc tháo dỡ do xây dựng trên đất lấn chiếm nằm trong khu qui hoạch theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 29/3/2006 của Chủ tịch UBND Quận 9, kể cả diện tích xây dựng nhà trên phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Thanh T3 (là em ruột ông T) nêu tại Công văn số 102/UBND ngày 16/01/2006 của UBND Quận 9 đều chỉ là một căn nhà có số 1/1D. Như vậy, ông Nguyễn T đã biết căn nhà này xây dựng trên phần đất chiếm của Nghĩa trang liệt sỹ Thành phố và đồng ý “sẽ tự tháo dỡ toàn bộ công trình” được ghi nhận trong Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 07/7/2006 của Chủ tịch UBND Quận 9 với nội dung không chấp nhận cho tiếp tục sử dụng căn nhà này bởi Quyết định số

5798/QĐ-UBND ngày 18/12/2009 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định vừa nêu trên nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định 1342/QĐ-UBND-BBT là có căn cứ.

[5] Ông Nguyễn T cho rằng phần đất bị thu hồi thuộc vị trí mặt tiền đường Xa lộ Hà Nội. Tại Biên bản xác minh ngày 19/9/2011 của Thanh tra Quận 9 và UBND phường Long Bình, Quận 9 ghi nhận hiện trạng khu đất của ông Nguyễn T có các thửa 3-1, 3-2 nằm sau khu đất thửa 2-3 của ông Võ T1 và tiếp giáp với lề đường đất (đường số 1), không có cạnh nào tiếp giáp với lề đường hiện hữu của Xa lộ Hà Nội phù hợp theo Bản đồ hiện trạng vị trí của UBND phường B, Quận 9 lập năm 2009 và Bản đồ hiện trạng vị trí số 87003/ĐĐBĐ-VPTT ngày 15/8/2005 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận khai nhận này của ông T là có cơ sở.

[6] Tại Biên bản họp ngày 21/01/2010 (Trích nội dung kết luận) và Công văn số 75/UBND ngày 15/4/2013 của UBND phường B, Quận 9 thể hiện nguồn gốc đất của ông T chiếm dụng sử dụng trước ngày 15/10/1993 (sau năm 1980) và nguồn gốc nhà nêu trong Bản khai danh dự ngày 03/11/1992 “dùng để ở giữ ruộng đất, canh tác” là nhà lá tạm (thuộc vị trí nhà cũ), sau năm 1993 tự xây dựng lại tại vị trí khác (vị trí thu hồi) phù hợp Bản đồ theo tài liệu 02/CT-UB ghi nhận vào năm 1992 thì căn nhà lá tạm này đã không còn. Do đó, ông T không đủ điều kiện bồi thường về đất ở và không xét tái định cư nên chỉ xét hỗ trợ 20% đơn giá đất ở nhưng không quá 100m²; 80% giá loại đất nông nghiệp; 80% giá trị công trình theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND áp dụng khoản 2 Mục IV Phần IV và điểm b khoản 2 Mục I Phần VII Phương án số 07/PABT-HĐBT, Công văn số 3803/UBND-ĐTMT ngày 01/8/2011, Quyết định số 89/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, kể cả giải quyết về không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn T được nêu trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND-TT và Quyết định giải quyết khiếu nại số 3085/QĐ-UBND. Vì vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định nêu trên của ông Nguyễn T là phù hợp với điểm e khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên bác kháng cáo của ông T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn T phải chịu theo quy định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Nguyễn T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1666/2019/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T như sau:

Hủy Quyết định số 1342/QĐ-UBND-BBT ngày 01/8/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9;

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 185/QĐ-UBND-TT ngày 13/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9;

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3085/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường 1.000m² đất ở; 256,9m² đất phi nông nghiệp; nhà ở theo giá thị trường thuộc đường Xa lộ Hà Nội và lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường được tính lại.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T đối với Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 97/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0045061 ngày 29/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 14b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình